

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số chính sách

dân số - kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 22/01/2003 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27/12/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số; số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/11/2011 sửa đổi khoản 6, Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2008/CT-TTg ngày 4/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 170/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2070/TTr-SYT.DS ngày 10/8/2015, của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1306/BCTĐ-STP ngày 14/8/2015 về việc ban hành quy định một số chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016 và thay thế Quyết định số 76/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định một số chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- TTr. Tỉnh uỷ, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Chi cục DS, KHHGĐ tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Nghệ An;
- CV: Các tổ CV;
- Lưu: VT. *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Lệ Thanh

QUY ĐỊNH

Một số chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 2/8/2015 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số chính sách về dân số - kế hoạch hóa gia đình (viết tắt là DS-KHHGD) để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang (gọi chung là cơ quan, tổ chức) thuộc tỉnh Nghệ An và công dân Việt Nam cư trú thực tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, phù hợp với quyền và lợi ích của các cặp vợ chồng, của cá nhân và từng gia đình với lợi ích của cộng đồng và toàn xã hội, thực hiện xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

2. Phối hợp chặt chẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGD để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, tổ chức thực hiện công tác DS-KHHGD; tổ chức tuyên truyền vận động kết hợp chặt chẽ với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; thực hiện tốt chính sách, chế độ và tăng nguồn lực đầu tư.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm của các cặp vợ chồng và cá nhân trong việc thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh một hoặc hai con, trừ các trường hợp sau đây:

a) Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu cả hai hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy

giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Cặp vợ chồng sinh lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên;

c) Cặp vợ chồng đã có một con đẻ, sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên;

d) Cặp vợ chồng sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi;

đ) Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền theo danh mục dị tật, bệnh hiểm nghèo do Bộ Y tế ban hành, đã được Hội đồng Giám định Y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận;

e) Cặp vợ chồng đã có con riêng (con đẻ)

- Sinh một hoặc hai con, nếu một trong hai người đã có con riêng (con đẻ)

- Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai người đã có con riêng (con đẻ). Quy định này không áp dụng cho trường hợp hai người đã có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.

g) Phụ nữ chưa kết hôn, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

2. Khoảng cách giữa 2 lần sinh nên từ 3 - 5 năm.

3. Những người có tiền sử gia đình có người mắc bệnh tâm thần, bệnh di truyền, người có nguy cơ bị khuyết tật về gen; người bị nhiễm chất độc hóa học; người thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc hại và các bệnh lây nhiễm cần được vận động đi kiểm tra sức khỏe trước khi có ý định sinh con.

4. Thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Các cặp vợ chồng tự nguyện lựa chọn và áp dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có chất lượng, góp phần nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần của bản thân và các thành viên trong gia đình, phù hợp với lợi ích của nhà nước và cộng đồng xã hội.

5. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi trái quy định pháp luật về dân số theo quy định của Pháp lệnh Dân số.

Điều 4. Ký cam kết thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Các cơ quan, tổ chức và chính quyền nơi cư trú có trách nhiệm tuyên truyền, vận động, tổ chức cho các thành viên trong cơ quan, tổ chức, địa phương mình ký cam kết thực hiện các quy định về chính sách DS-KHHGD (có mẫu cam kết kèm theo Quy định này) và có trách nhiệm cam kết với ngành cấp trên, chính quyền địa phương về tổ chức thực hiện cam kết. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, khi tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ công chức, viên chức đều phải tuyên truyền, vận động những người này ký cam kết thực hiện các quy định về chính sách DS-KHHGD.

2. Các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có trách nhiệm ký cam kết thực hiện các quy định về chính sách DS-KHHGD với chính quyền địa phương nơi cư trú và cơ quan, đơn vị mình đang công tác.

3. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện chính sách DS-KHHGD; đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện chính sách DS-KHHGD.

Điều 5. Một số chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với các xã, phường, thị trấn:

a) Xã, phường, thị trấn một năm không có người sinh con thứ 3 trở lên được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 20 triệu đồng;

b) Xã, phường, thị trấn hai năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 40 triệu đồng;

c) Xã, phường, thị trấn ba năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 60 triệu đồng;

d) Xã, phường, thị trấn bốn năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 80 triệu đồng;

đ) Xã, phường, thị trấn từ năm năm liên tục trở lên không có người sinh con thứ 3 trở lên được Chủ tịch UBND tỉnh thưởng 100 triệu đồng và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

e) Xã, phường, thị trấn thực hiện giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên từ 50% so với năm trước được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và thưởng theo quy định hiện hành.

2. Việc khen thưởng đối với khối, xóm, bản không có người sinh con thứ 3 trở lên do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị quy định.

3. Chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với cá nhân:

a) Những người trong độ tuổi sinh đẻ đã có từ 01 – 02 con trở lên tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai triệt sản (kể cả triệt sản khi mổ kết hợp), ngoài các chế độ, chính sách được hưởng theo quy định của Trung ương, thì mỗi trường hợp triệt sản được bồi dưỡng 5 triệu đồng (đối với nam) và 3 triệu đồng (đối với nữ).

b) Những người thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình và trong 01 năm vận động được 10 cặp vợ chồng (*trong phạm vi một khối, xóm, thôn, bản*) thực hiện các biện pháp tránh thai (đình sản; đặt vòng) được thưởng 1.000.000 đồng và nếu trên 10 cặp, cứ thêm 5 cặp thì được thưởng thêm 500.000 đồng.

4. Chính sách hỗ trợ đối với phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho

phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

5. Hồ sơ, trình tự thủ tục khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

6. Xử lý vi phạm.

Xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm chính sách DS-KHHGD theo quy định của pháp luật hiện hành và bản cam kết đã ký với cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú, cụ thể như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức (kể cả hợp đồng lao động); cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang; công nhân, người lao động có hưởng lương (bao gồm nhà nước và tư nhân):

- Sinh con thứ ba trở lên (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác) thì bị xử lý kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách; làm đơn rút tên khỏi chức danh lãnh đạo (nếu có chức vụ); chuyển chuyển vị trí công tác khác hoặc chuyển chuyển đến địa bàn công tác khác có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hơn; không đưa vào xem xét quy hoạch bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo trong 5 năm kể từ ngày vi phạm, nếu có trong quy hoạch thì xem xét đưa ra khỏi chức danh quy hoạch hiện tại; không xem xét thi nâng ngạch, chuyển ngạch; kéo dài thời gian xét nâng bậc lương trong thời gian 3 - 6 tháng.

- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật, nếu tiếp tục vi phạm chính sách DS-KHHGD thì tiến hành xử lý kỷ luật với các hình thức cao hơn.

b) Các đối tượng khác vi phạm trong trường hợp sinh con thứ ba (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) thì bị xử lý theo bản cam kết, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị; quy định của hương ước, quy ước nơi cư trú; không được xét danh hiệu Gia đình văn hóa.

c) Tập thể và cá nhân Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thành viên thuộc cấp quản lý trực tiếp vi phạm chính sách DS-KHHGD thì không xét danh hiệu thi đua và không xem xét danh hiệu đơn vị văn hoá trong năm có vi phạm.

Điều 6. Hỗ trợ Cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Cộng tác viên DS-KHHGD kiêm nhiệm ở xóm, khối, bản được hỗ trợ hàng tháng bằng 0,1 mức lương cơ sở từ ngân sách tỉnh (ngoài mức thù lao theo quy định của Trung ương).

Điều 7. Kinh phí đảm bảo thực hiện cho công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ về DS-KHHGD.

2. Ngoài kinh phí chương trình mục tiêu và ngân sách tỉnh cấp, hàng năm, UBND các huyện, thành, thị bố trí một khoản ngân sách cho công tác DS-KHHGD của địa phương và giao cho Trung tâm DS-KHHGD cùng cấp quản lý, sử dụng theo kế hoạch đã được duyệt.

3. UBND xã, phường, thị trấn quản lý và huy động nguồn lực đầu tư cho công tác DS-KHHGD từ các khoản xử phạt vi phạm hành chính về chính sách DS-KHHGD, khen thưởng, hỗ trợ của Nhà nước, đóng góp của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ngoài ra, hàng năm, UBND các xã, phường, thị trấn bố trí một khoản ngân sách cho công tác DS-KHHGD và giao cho Ban DS-KHHGD xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý, sử dụng đúng quy định.

4. Nguồn kinh phí thường cho các tập thể được trích từ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng của UBND các cấp hàng năm. Nguồn kinh phí thường, khuyến khích, hỗ trợ cho cá nhân được UBND tỉnh bố trí trong dự toán hàng năm của Sở Y tế (giao Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh thực hiện).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Cơ quan và tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân số.

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động thực hiện các chính sách DS-KHHGD, đảm bảo mọi người dân đều được cung cấp thông tin về DS-KHHGD đầy đủ, kịp thời.

b) Đưa nội dung thực hiện chính sách DS-KHHGD vào quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện chính sách DS-KHHGD là một trong những tiêu chí để bình xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị.

c) Tạo điều kiện để các thành viên của cơ quan, tổ chức thực hiện quy chế, điều lệ; các hương ước, quy ước của cộng đồng về dân số; tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân thực hiện mục tiêu chính sách dân số phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập, nuôi dạy con, phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và Nhà nước. Ưu tiên đối với người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đặc thù có mức sinh cao;

d) Lồng ghép các nội dung DS-KHHGD vào trong quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đối với khối, xóm, thôn, bản, khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước phải có nội dung DS-KHHGD, không có người vi phạm chính sách DS-KHHGD.

đ) Kiểm tra, đánh giá và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các mục tiêu DS-KHHGD.

2. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp liên ngành trong tổ chức triển khai các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu về DS-KHHGD.

3. Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, người tàn tật, tổ chức phục hồi chức năng cho trẻ em và người khuyết tật, người dân dễ bị thương trong thiên tai.

4. Thực hiện xã hội hóa công tác DS-KHHGD; đặc biệt là xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 9. Trách nhiệm của công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật; quy chế, điều lệ của cơ quan, tổ chức; quy ước, hương ước của cộng đồng về dân số.

2. Mọi người có trách nhiệm thực hiện và tuyên truyền, vận động con, cháu, anh em, đồng nghiệp, những người khác trong cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về DS-KHHGD.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

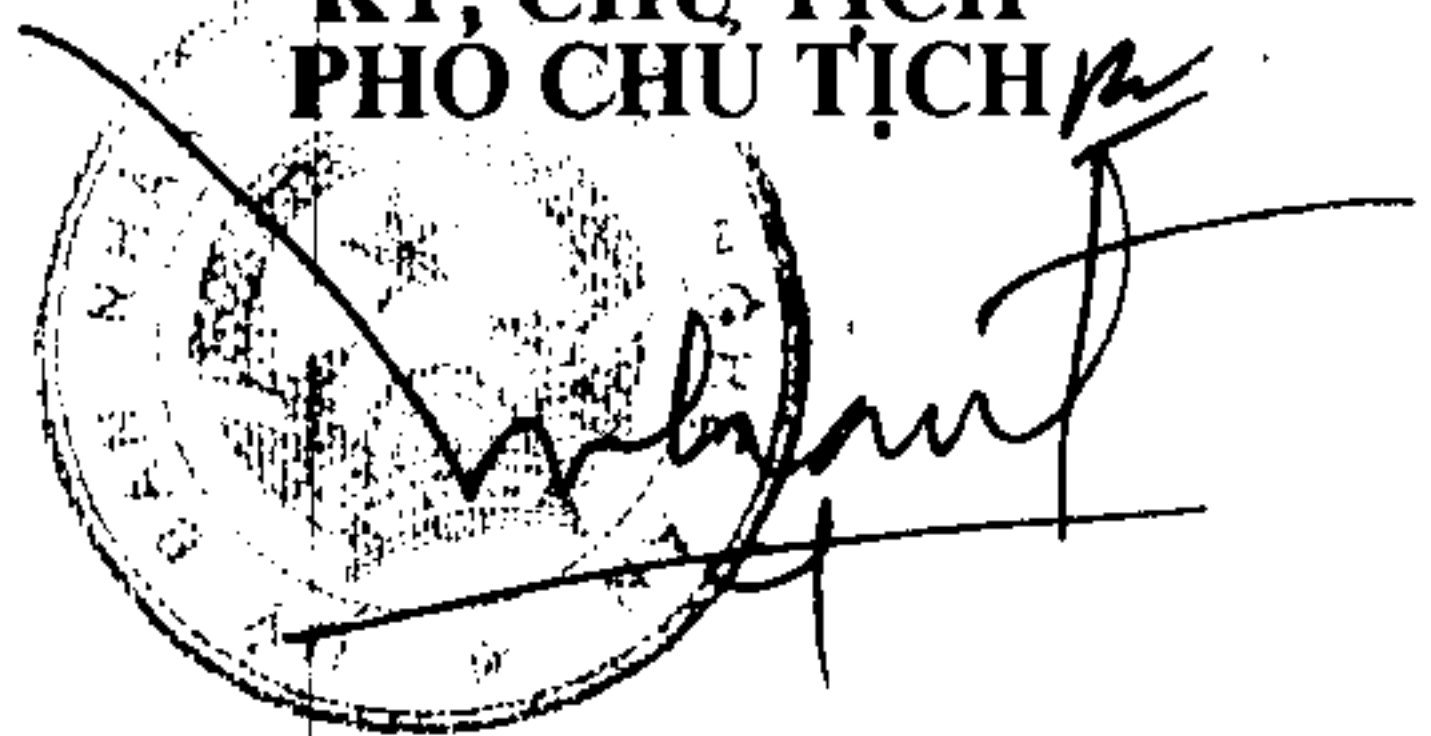
1. Giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với các ngành, các tổ chức liên quan tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và và định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn việc lập dự toán và bố trí nguồn kinh phí thực hiện theo Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chính sách DS-KHHGD; hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Quy định này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động các hội viên, đoàn viên, nhân dân và phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Thị Lệ Thanh

Mẫu số 1: Dùng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động có hưởng lương.

(Ký cam kết với thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi công tác)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MS 1

Đơn vị: (1)

Số: /CK-DS (2)

BẢN CAM KẾT

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

(Dùng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động có hưởng lương)

Tên tôi là: Sinh ngày tháng năm

Chỗ ở hiện nay:

Chức vụ, cơ quan công tác:

Sau khi nghiên cứu và hiểu rõ quy định về chính sách DS-KHHGD, tôi tự nguyện cam kết với thủ trưởng cơ quan (đơn vị) như sau:

1. Không vi phạm chính sách Dân số - KHHGD.

2. Nếu vi phạm, tôi xin chịu trách nhiệm và chấp nhận mọi hình thức xử lý kỷ luật theo quy định như:

2.1. Bị khiển trách hoặc hình thức cao hơn,

2.2. Làm đơn rút tên khỏi chức danh lãnh đạo (nếu có chức vụ),

2.3. Thuyên chuyển vị trí công tác hoặc địa bàn công tác khác có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

hơn,

2.4. Không đưa vào xem xét quy hoạch bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo trong 5 năm kể từ ngày vi phạm, nếu có trong quy hoạch thì đưa ra khỏi chức danh quy hoạch hiện tại,

2.5. Không xem xét thi nâng ngạch, chuyển ngạch; không xét nâng bậc lương trong thời gian 3 - 6 tháng.

....., ngày tháng năm 20..... (3)

THỦ TRƯỞNG
(Cơ quan, đơn vị)

NGƯỜI KÝ CAM KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2: Dùng cho đối tượng là người dân (kể cả cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động có hưởng lương). *(Ký cam kết với chính quyền địa phương)*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MS 2

Đơn vị (1)
Số: /CK-DS (2)

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
(Dùng cho đối tượng là người dân)

Chúng tôi gồm:

Họ và tên vợ: Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Chỗ ở hiện nay:

Nghề nghiệp:

Họ và tên chồng: Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Chỗ ở hiện nay:

Nghề nghiệp:

Sau khi nghiên cứu và hiểu rõ quy định về chính sách DS-KHHGD, chúng tôi tự nguyện cam kết với chính quyền địa phương như sau:

1. Không vi phạm chính sách Dân số - KHHGD.

2. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu trách nhiệm và chấp nhận mọi hình thức xử lý kỷ luật theo quy định, cụ thể như sau:

2.1. Bị khiển trách và phê bình công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương;

2.2. Bị xử lý theo quy định của hương ước, quy ước nơi cư trú;

2.3. Không được xét danh hiệu Gia đình văn hóa;

2.4. Chúng tôi tự nguyện đóng góp một khoản kinh phí ít nhất 2 triệu đồng cho Ban Dân số - KHHGD xã, phường, thị trấn để góp phần đầu tư cho công tác DS-KHHGD của địa phương.

....., ngày..... tháng..... năm 20.... (3)

CHỦ TỊCH UBND XÃ
(phường, thị trấn)

VỢ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mặt sau của mẫu số 1:

1. Hướng dẫn cách ghi (1), (2), (3), (4):

- (1). Ghi tên cơ quan, đơn vị.
- (2). Số thứ tự ký cam kết trong cơ quan, đơn vị.
- (3). Ghi tên xã, phường, thị trấn nơi cơ quan, đơn vị đóng trụ sở.

2. Hướng dẫn tổ chức, vận động, quản lý.

- Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức vận động mọi đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ, đặc biệt là những người mới được tuyển dụng, chuyển đến làm việc ký cam kết (nên gắn với Hội nghị CNVCLĐ hàng năm).
- Mỗi cơ quan, đơn vị lập sổ theo dõi ký cam kết, do Chủ tịch Công đoàn quản lý.
- Bản cam kết do cơ quan, đơn vị giữ.
- Khi chuyển công tác được lưu vào hồ sơ chuyển đến cơ quan mới.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày/... /2012 của UBND tỉnh Nghệ An)

Mặt sau của mẫu số 2:

1. Hướng dẫn cách ghi (1), (2), (3), (4):

- (1). Ghi tên xóm, (bản, làng, khối phố).
- (2). Số thứ tự ký cam kết trong xóm.
- (3). Ghi tên xã (phường, thị trấn).

2. Hướng dẫn tổ chức, vận động, quản lý.

- UBND các xã, phường, thị trấn, Viên chức Dân số - KHHGD cấp xã, cộng tác viên Dân số-KHHGD thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động mọi đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ ký cam kết thực hiện chính sách Dân số - KHHGD.
- Mỗi xóm lập sổ theo dõi ký cam kết, do cộng tác viên Dân số-KHHGD quản lý.
- Mỗi xã (phường, thị trấn) lập sổ tổng hợp chung trong toàn xã do cán bộ viên chức Dân số-KHHGD quản lý.
- Bản cam kết do UBND xã giữ.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày/... /2012 của UBND tỉnh Nghệ An)